

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TRẮNG BÀNG
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2020/HNGĐ-ST.
Ngày: 20-5-2020
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẮNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Cao Hoài Hiêm;

Ông Lê Đình Nhung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Hành là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thương - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 706/2019/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2019 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2020/QĐXX-ST ngày 08 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Vũ Thị D, sinh năm 1993; cư trú tại: Ấp SL, xã XD, huyện CM, tỉnh Đồng Nai, vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Phạm Văn B, sinh năm 1991; hộ khẩu thường trú: Khu phố BD, phường BH, thị xã TA, tỉnh Bình Dương. Nơi cư trú hiện nay: Ấp AB, xã AT, huyện TB, (nay là khu phố AB, phường AT, thị xã TB) tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03 tháng 10 năm 2019 và bản tự khai - nguyên đơn chị Vũ Thị D trình bày:

Chị và anh Phạm Văn B tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2014, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã XD, huyện CM,

tỉnh Đồng Nai. Sau khi cưới, vợ chồng sống tại xã AT, huyện TB, tỉnh Tây Ninh. Vợ chồng đều làm công nhân. Trong thời gian sống chung, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân do anh B không lo làm ăn lại còn đam mê cờ bạc, tròn chơi điện tử. Mặc dù, chị đã khuyên nhủ nhiều lần nhưng anh vẫn không thay đổi. Do đó, chị bỏ về nhà cha mẹ ruột tại ấp SL, xã XD, huyện CM, tỉnh Đồng Nai. Từ khi ly thân đến nay, vợ chồng không có thiện chí hàn gắn hạnh phúc.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Phạm Vũ Quỳnh N, sinh ngày 01-01-2017, hiện đang sống với chị.

Về tài sản chung và về nợ chung: Không có.

Nay chị yêu cầu ly hôn với anh B. Về con chung: Yêu cầu tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Phạm Văn B trình bày:

Anh xác nhận anh và chị D chung sống với nhau vào năm 2014, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn. Vợ chồng có 01 con chung; tài sản chung và nợ chung không có. Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn do vợ chồng có gây gổ với nhau vì chị D có quen với người khác bên ngoài. Đầu năm 2017, chị D xin gia đình về quê dự đám cưới của em vợ. Từ khi bỏ nhà đi đến nay không trở về chung sống với anh.

Nay anh đồng ý ly hôn với chị D. Về con chung: đồng ý giao chị D nuôi, không đồng ý cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội D, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình;

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị D đối với anh B.

Về con chung: Giao chị D tiếp tục nuôi con chung. Ghi nhận chị D không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Chị D, anh B có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh D, B là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị D và anh B tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2014, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã XD, huyện CM, tỉnh Đồng Nai nên được thừa nhận là hôn nhân hợp pháp. Trong thời gian sống chung, chị D và anh B phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng mất lòng tin lẫn nhau và tự sống ly thân từ năm 2017 đến nay. Nay chị D yêu cầu ly hôn thì anh B đồng ý. Do đó, xét tình trạng vợ chồng giữa chị D và anh B đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị D.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Phạm Vũ Quỳnh N, sinh ngày 01-01-2017. Khi ly hôn, chị D yêu cầu tiếp tục nuôi con, anh B cũng đồng ý giao con cho chị D nuôi. Căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của chị D, giao con chung cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng.

Anh B không phải cấp dưỡng nuôi con do chị D không yêu cầu.

Anh B được quyền thăm nom con chung không ai được quyền cản trở.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 thì chị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng.

Xét ý kiến của Kiểm sát viên có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Vũ Thị D và anh Phạm Văn B.

Chị Vũ Thị D được ly hôn với anh Phạm Văn B.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Vũ Quỳnh N, sinh ngày 01-01-2017 cho chị D tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh B không phải cấp dưỡng nuôi con do chị D không yêu cầu.

Anh B được quyền thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Vũ Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0017709 ngày 09 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng; chị D đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND TX.Trảng Bàng;
- Chi cục THADS TX.Trảng Bàng;
- UBND xã XĐ;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Các đương sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Cẩm